

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 39/2021/HNST
Ngày: 25/3/2021
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Huyền Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Triều**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyện**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 25/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST–HNST ngày 18/02/2021 về việc “*tranh chấp ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2021/QĐST ngày 17/3/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **H.T.B.L**, sinh năm 1972 (*có mặt*)

Địa chỉ: 151/73A Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 132/20 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

*** Bị đơn:** Ông **T.L.T.B**, sinh năm 1972 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: 151/73A Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 69/24A đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông T.L.T.B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2009 tại UBND phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.L.T.B.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là T.H.N.C (nữ) sinh ngày 14/8/1997 đã trưởng thành và T.H.N (nữ) sinh ngày 15/01/2009. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H.N, yêu cầu ông T.L.T.B cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông T.L.T.B sau khi được Tòa án triệu tập đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Bà H.T.B.L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Loan thay đổi yêu cầu cấp dưỡng bà không yêu cầu ông T.L.T.B cấp dưỡng nuôi con và bà đồng ý xét xử vắng mặt ông T.L.T.B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà H.T.B.L và ông T.L.T.B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2009, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà Loan có đơn yêu cầu ly hôn với ông Bảo. Vụ kiện được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật, ông T.L.T.B đã có yêu cầu xét xử vắng mặt ông. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông B. là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Bà H.T.B.L và ông T.L.T.B tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do sự

bất đồng trong quan điểm sống, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả, đời sống chung không còn hạnh phúc. Nay bà Loan nhận thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu ly hôn với ông T.L.T.B. Về phía ông B. đã được được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng mời tham dự các phiên hòa giải, xét xử nhưng ông B. vẫn vắng mặt, về sau ông có yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn với bà L. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung là T.H.N.C (nữ), sinh ngày 14/8/1997 đã trưởng thành và T.H.N (nữ), sinh ngày 15/01/2009. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H.N. Mặc dù trong bản tự khai ngày 19/3/2021 nguyện vọng của cháu H.N là muốn được ở với cha, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cháu H.N hiện nay đang do bà L. trực tiếp nuôi dưỡng, lại đang sống chung với chị gái là N.C và cháu lại là bé gái rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ cũng như chị gái nên để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của cháu N., không làm thay đổi môi trường sống của cháu, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu H.N cho bà H.T.B.L tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng*: tại phiên tòa bà H.T.B.L thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, bà không yêu cầu ông T.L.T.B cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà L. trình bày không có và trong đơn xin giải quyết vắng mặt ông B. cũng trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: bà H.T.B.L và ông T.L.T.B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu T.H.N (nữ) sinh ngày 15/01/2009 cho bà H.T.B.L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông T.L.T.B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T.L.T.B không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: do các bên trình bày không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà H.T.B.L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003592 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang